TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HS-ST

Ngày 22-10- 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Lưu Minh Phú và bà Nguyễn Thị Kim Luyến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà:bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Văn V, sinh ngày 26/12/2000; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H, sinh năm 1966 và bà Đỗ Thị M (đã chết); Vợ con, chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Quá trình hoạt động bản thân: Ngày 09/11/2017, Công an thành phố Phúc Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, mức xử phạt: 750.000đ. Chấp hành xong ngày 02/11/2018. Ngày 21/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xử phạt 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản Tại Bản án số 54/2018/HS-ST ngày 21/9/2018. Chấp hành xong hình phạt về địa phương ngày 07/3/2019, chấp hành xong án phí ngày 05 tháng 11 năm 2018 (*Thời điểm phạm tội bị cáo V chưa đủ 18 tuổi)*.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bị hại:

- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1972, có mặt
- Anh Lê Xuân H, sinh năm 1995, có mặt

Đều cư trú: Tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Văn H1, sinh năm 1966, có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1991, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu L, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh Trần Duy H2, sinh năm 1992, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 20/4/2019, Đỗ Văn V đi bộ đến nhà anh Lê Xuân H (là em họ của V) mượn xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát: 88H1 – xxxxx của anh H để đi chơi và mua điện thoại. Anh H đồng ý cho mượn, bảo V đi vào trong phòng ngủ lấy chìa khóa xe và trả xe mô tô cho anh H trước 15 giờ ngày 20/4/2019 để anh H lấy xe đi làm. V đi vào phòng ngủ của anh H, thấy có 01 chiếc dây chuyền bạc để trên mặt bàn, V nảy sinh ý định chiếm đoạt nên lén lút lấy chiếc dây chuyền đeo vào cổ. Sau đó V lấy chìa khóa xe máy và điều khiển xe đến quán Internet của anh Nguyễn Ngọc K để chơi game (điện tử). Đến quán điện tử, V nghĩ nếu mua điện thoại sẽ hết tiền chơi game nên V không đi mua điện thoại nữa. V chơi game được khoảng 10 phút thì bị thua hết tiền (300.000đồng, số tiền đem theo định đi mua điện thoại), V bèn bán chiếc dây chuyền bạc của anh H cho anh K được 500.000 đồng và tiếp tục chơi game. Khi thua hết 500.000đ V nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của anh H để lấy tiền chơi game. V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 88H1 – xxxxx đến quán cầm đồ Hải Tôn của anh Trần Duy H2 cầm cố chiếc xe trên được 4.000.000 đồng rồi quay lại quán Internet của anh K tiếp tục chơi game đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày thì bị thua hết 4.000.000 đồng.

Khoảng hơn 17 giờ ngày 20/4/2019 V thuê 01 chiếc xe taxi của hãng taxi Thịnh Hưng (không xác định được biển kiểm soát) đi về nhà bà Đỗ Thị T là cô ruột V và là mẹ của anh H để vay tiền anh H nhưng anh H không ở nhà. Thấy

bà T đang dọn dẹp ở ngoài sân và Lê Đức L là em trai anh H mới đi học về, V nói với L :" *Lấy anh mượn điện thoại của mẹ anh gọi cho anh H*", L đồng ý và đi vào trong phòng ngủ của bà T cầm điện thoại Iphone 6 plus ra đưa cho V. V bấm số gọi cho anh H để hỏi vay tiền nhưng không liên lạc được nên cầm điện thoại ra ngoài cổng ngồi rồi vào mạng xã hội (facebook) để nhắn tin với anh H. Liên lạc qua facebook anh H yêu cầu đến 22 giờ ngày 20/4/2019 V phải trả xe mô tô nêu trên cho anh H, V đồng ý. Bà T thấy V sử dụng điện thoại bảo V "*cất điện thoại đi*", nhưng V bảo cho cháu mượn cháu liên lạc với H. Vì tin tưởng V là cháu ruột của mình và V vẫn thường xuyên sang nhà bà T ăn cơm và lấy điện thoại của bà sử dụng nên bà cho V mượn điện thoại. Mượn được điện thoại của bà T, V tiếp tục đi taxi lên thị trấn H, huyện B, trên đường đi V tiếp tục liên lạc với anh H nhưng không được. Khi đến quán Internet của anh K, do vẫn không liên lạc được với anh H để vay tiền nên V nảy sinh ý định và bán chiếc điện thoại của bà T cho anh K được 2.000.000 đồng rồi tiếp tục chơi game. Chơi đến khoảng 19 giờ cùng ngày V chơi game hết tiền. Do không có tiền chuộc lại xe mô tô trả cho anh H và điện thoại cho bà T nên V bắt xe taxi đi Hà Nội nhằm trốn tránh việc trả lại xe mô tô và điện thoại đi động cho anh H và bà T.

Ngày 21/4/2019, anh Nguyễn Ngọc K tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động nêu trên và sợi dây chuyền kim loại màu trắng bạc để phục vụ công tác điều tra.

Cùng ngày 21/4/2019, anh H cùng ông Đỗ Văn H1 là bố đẻ của V đến quán cầm đồ của anh Trần Duy H2, chuộc lại xe mô tô đem về trả cho anh H. Ông H1 đã trả cho anh K số tiền 2.500.000đ và trả anh H2 số tiền 4.030.000đ (trong đó 4 .000.000 đ tiền gốc và 30.000đ tiền lãi).

Ngày 27/4/2019, anh H đã giao nộp chiếc xe mô tô BKS 88H1 – xxxxx để phục vụ công tác điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số 35/KLĐG ngày 10/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phúc Yên kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn vàng đen bạc, BKS: 88H1– xxxxx, số máy HC12E712xxxx, số khung 125XFY12xxxx đăng kí sử dụng từ tháng 4 năm 2016 có giá trị: 13.000.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng bạc, dung lượng 64GB, có giá trị: 3.000.000đ; 01 sợi dây chuyền kim loại được làm bằng bạc có trọng lượng là 11,3 chỉ bạc (tương đương 42,375 gam), có gắn vật trang trí hình móng vuốt, có giá trị: 600.000đ.

Ngày 26/5/2019 cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H 01 xe mô tô BKS 88H1-xxxxx và 01 sợi dây chuyền bạc, trả lại bà T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu trắng bạc.

Tại bản Cáo trạng số: 73/CT - VKSPY ngày 05 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố Đỗ Văn V về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử : Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra và của Tòa án.

Tại phiên tòa bà T và anh H là người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bản thân bị cáo rất ăn năn, hối hận, bị cáo biết mình đã sai và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn V thừa nhận hành vi: Khoảng 10h00 ngày 20/4/2019, Đỗ Văn V mượn anh Lê Xuân H 01 xe mô tô BKS: 88H1 – xxxxx để đi chơi và đi mua điện thoại di động. Sau khi mượn được xe V nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô nêu trên cho anh Trần Duy H2 để lấy tiền đánh điện tử. Khoảng 5 giờ cùng ngày 20/4/2019 Đỗ Văn V mượn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphon6 plus của bà Đỗ Thị T để gọi cho Hợp vay tiền. Sau đó, vì không có tiền chơi điện tử, V bán điện thoại của bà T cho anh Nguyễn Ngọc K được 2.000.000đ để chơi điện tử. Sau khi bán xe và máy điện thoại, V đã bỏ trốn và không có khả năng để chuộc xe mô tô và điện thoại trả lại cho anh Lê Xuân H và bà Đỗ Thị T. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 16.000.000đ.

[2] Xét lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận hành vi bị cáo lợi dụng lòng tin của anh H và bà T, bị cáo mượn xe của anh H và điện thoại

của bà T nhưng bị cáo không sử dụng đúng mục đích mà đem cầm cố chiếc xe và bán điện thoại trên để lấy tiền chơi điện tử và không có khả năng chuộc lại xe và điện thoại trả lại anh H và bà T. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe của anh H có trị giá 13.000.000đ và điện thoại của bà T có giá 3.000.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng: 73/CT - VKSPY ngày 05 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu của anh H và bà T, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải đưa bị cáo ra xét xử để giáo dục riêng, phòng ngừa chung và phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương.

[4] Xét nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy: Ngày 09/11/2017 bị cáo bị Công an thành phố Phúc Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, mức xử phạt: 750.000đ, chấp hành xong ngày 02/11/2018. Ngày 21/9/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xử phạt 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản Tại Bản án số 54/2018/HS-ST ngày 21/9/2018, thời điểm phạm tội bị cáo V chưa đủ 18 tuổi nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ Luật hình sự xác định bị cáo không có án tích và lần phạm tội này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm. Tuy nhiên sau khi cải tạo về địa phương bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn ham chơi, lười lao động và tiếp tục vi phạm pháp luật. Để có tiền chơi điện tử bị cáo đã lợi dụng lòng tin của anh H và bà T để mượn xe máy của anh H và điện thoại của bà T sau đó cầm cố và bán lấy tiền chơi điện tử dẫn đến không có khả năng chuộc tài sản trả lại cho anh H và bà T. Điều đó cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, không có ý thức tự rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội. Về tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại là anh H và bà T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Sau khi cân nhắc nhân thân và các tình tiết tăng năng, giảm nhẹ hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian để bị cáo cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định: Bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, nhưng bản thân bị cáo V sống cùng bố, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ngày 26/5/2019 cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H 01 xe mô tô BKS 88H1-xxxxx và 01 sợi dây chuyền bạc, trả lại bà T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu trắng bạc, đến nay các bị hại không đề nghị gì khác.

Đối với số tiền ông Đỗ Văn H1 đã trả cho anh K 2.500.000đ và trả anh H2 4.030.000đ là của ông H1 nhưng ông H1 không yêu cầu V phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với anh Nguyễn Ngọc K là người mua lại sợi dây chuyền bạc và chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, anh Trần Duy H2 là người cho V cầm cố chiếc xe mô tô BKS 88H1-xxxxx, quá trình điều tra làm rõ anh K và anh H2 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập việc xử lý về hình sự là hợp lý. Tuy nhiên hành vi anh Trần Duy H2 cho V cầm cố chiếc xe mô tô BKS 88H1-xxxxx không giấy tờ nên cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính anh H2 về hành vi này là phù hợp.

[8] Đối với hành vi trộm cắp sợi dây chuyền bạc của V , có trị giá dưới 2.000.000đ, bản thân V tuy đã bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 tại bản án số 54/2018/HSST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên nhưng khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi**,** theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ Luật hình sự xác định bị cáo không có án tích, nên hành vi Trộm cắp dây chuyền bạc lần này không cấu thành tội phạm, cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính đối với V là phù hợp.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo V phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn V phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn V 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đỗ Văn V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, V.P.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh